

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311201 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011911	36CKT1	Tr n V ấ Gia B o	18/08/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	
2	3673010308	36CKT1	Di p T B i	21/10/1994				5.0	4.0		4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
3	3673011650	36CKT1	B ấ i Th M Duyệt	01/09/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
4	3673010383	36CKT1	L 2 Th Thu Hà	03/07/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	4.6	3.2	4.3	
5	3673010246	36CKT1	L 2 Th M H ng	08/03/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
6	3673011915	36CKT1	Phan Th Minh H ấ n	10/07/1994				9.0	4.0		6.5	2.0	8.3	5.8	7.8	
7	3673011158	36CKT1	Nguy n Th H u	28/03/1994				0.0	2.0		1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
8	3671010164	36CKT1	Phan Th H u	15/07/1994				6.0	6.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
9	3673012052	36CKT1	Tr ng Th o Hi n	14/03/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.2	2.9	5.2	
10	3673010016	36CKT1	Nguy n Trung Hi u	10/09/1993				4.0	7.0		5.5	1.7	3.6	2.5	4.2	
11	3673010106	36CKT1	Nguy n Th y Ng c Hi p	30/04/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
12	3673010363	36CKT1	L 2 Th Hoa	20/09/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
13	3673011120	36CKT1	Cao Nguy n Qu c Huy	02/12/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
14	3673011947	36CKT1	Nguy n Th Huy n	02/01/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	8.3	5.8	8.1	
15	3673011637	36CKT1	Tr n Th Lan H ng	07/08/1994				10.0	9.0		9.5	2.9	8.9	6.2	9.1	
16	3673010287	36CKT1	Nguy n Th Kim H ng	21/06/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
17	3673010076	36CKT1	Tr n Ki t	17/05/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
18	3673010223	36CKT1	Nguy n Anh Khoa	16/06/1994				9.0	10.0		9.5	2.9	8.5	6.0	8.8	
19	3673010165	36CKT1	ấ nh Tuy t Lan	16/05/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	8.5	6.0	8.7	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122167311201 - K toñ n tñ chñnh ph n 1 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673011500	36CKT1	Ch¼c Th Li c n	10/10/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
21	3673010300	36CKT1	Ph m Th B'ch Li u	27/01/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	4.1	2.9	4.4	
22	3673010333	36CKT1	ñ ãnh Th Thu I Lĩ	26/07/1994				5.0	3.0		4.0	1.2	6.2	4.3	5.5	
23	3673010392	36CKT1	Nguy n Th Ng c	15/11/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	3.3	2.3	4.0	
24	3673010240	36CKT1	H ãng Gia L i	30/06/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	9.8	6.9	9.4	
25	3673010125	36CKT1	Ph m Tu n L c	12/03/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	6.1	4.3	6.2	
26	3673010109	36CKT1	Nguy n Th Ho c ng Mai	05/05/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
27	3673010228	36CKT1	Nguy n Ph ãng Ki u	16/05/1994				5.0	3.0		4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
28	3673011114	36CKT1	L u Th M	20/04/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	4.1	2.9	4.2	
29	3673010387	36CKT1	Nguy n Th M	08/03/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	5.3	3.7	5.4	
30	3673010150	36CKT1	Nguy n Ho c ng Nam	15/12/1993				6.0	10.0		8.0	2.4	5.7	4.0	6.4	
31	3673010255	36CKT1	Nguy n Kim Ng c n	13/11/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	3.7	2.6	4.2	
32	3673011111	36CKT1	Tr n Th H ãng Ng c	22/09/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	3.8	2.7	4.3	
33	3673010281	36CKT1	L² Th Th o Nguyên	19/07/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
34	3673011876	36CKT1	Nguy n Trung Nguyên	07/01/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
35	3673010173	36CKT1	Tr n Th o Nguyên	17/12/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
36	3673011882	36CKT1	L² Di p Ho c ng Oanh	23/04/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	
37	3673011969	36CKT1	Nguy n Th Ng c Ph ãng	00/00/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
38	3673010151	36CKT1	L² Th B'ch Ph ãng	15/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	7.2	5.0	7.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311201 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673011162	36CKT1	Nguy n Th C m Ph ng	15/06/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
40	3673010275	36CKT1	Ng» Th B'ch Ph ng	29/07/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	6.2	4.3	6.0	
41	3673011152	36CKT1	ấ ng Ng c Quy ấ	10/06/1994				5.0	3.0		4.0	1.2	8.8	6.2	7.4	
42	3673010339	36CKT1	Tr n M Quy ấ	03/02/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	8.2	5.7	8.3	
43	3673010200	36CKT1	Nguy n B' Ti ấ n Qu ấ nh	14/07/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	7.6	5.3	7.9	
44	3673010156	36CKT1	Nguy n Th Nh Qu ấ nh	27/07/1994				9.0	7.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
45	3673011059	36CKT1	Nguy n Th ấ »ng Sa	20/10/1993				5.0	7.0		6.0	1.8	7.4	5.2	7.0	
46	3673010104	36CKT1	Tr n Th Ng c S ng	01/04/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
47	3673011946	36CKT1	Ph m Thanh Tâm	05/02/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
48	3673010271	36CKT1	Tr n ấ nh ấ i Tâm	02/12/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
49	3673011176	36CKT1	Nguy n Th Thu Ti ấ n	04/09/1994				3.0	6.0		4.5	1.4	2.8	2.0	3.3	
50	3673010257	36CKT1	M Th Ti n	12/02/1992				5.0	0.0		2.5	0.8	6.0	4.2	5.0	
51	3673010127	36CKT1	Hu ấ nh V ấ Tu n	11/12/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
52	3673011051	36CKT1	Tr n Tri u Tu n	20/04/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
53	3673010198	36CKT1	Nguy n Tr ng Tuy n Thanh	23/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	3673010039	36CKT1	Nguy n Th Kim Tuy n	27/09/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
55	3673010048	36CKT1	B ấ i Th Tuy t	20/12/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	5.1	3.6	5.1	
56	3673011855	36CKT1	L ấ Hu ấ nh Thanh Tú	26/02/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
57	3673012040	36CKT1	Nguy n Th Thanh	20/10/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	3.5	2.5	3.5	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122167311201 - K t o ãn t c h ãnh ph n 1 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673010161	36CKT1	Ph m V ã Ho ãng Thái	15/01/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
59	3673010261	36CKT1	Nguy n Th H ng Th m	27/04/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	6.4	4.5	6.4	
60	3673010030	36CKT1	Ng» Th Anh Th	02/09/1994				4.0	0.0		2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
61	3673011839	36CKT1	Nguy n Th Ng c Thu n	26/01/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	9.2	6.4	8.5	
62	3673010245	36CKT1	V ½ Th Ng c Thuy n	01/12/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	5.1	3.6	5.5	
63	3673011134	36CKT1	ñ u Th Thu	22/12/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
64	3673011916	36CKT1	H ng Th Thu Trang	08/03/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	5.7	4.0	6.1	
65	3673010006	36CKT1	L ² Th Th ½ y Trang	15/09/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	9.8	6.9	8.8	
66	3673010251	36CKT1	Phan Thùy Trang	02/09/1994				5.0	8.0		6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	
67	3673010343	36CKT1	Tr n Th Thu Trang	03/07/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	7.6	5.3	7.9	
68	3673010059	36CKT1	Phan Th Ng c Trâm	18/11/1994				5.0	9.0		7.0	2.1	6.4	4.5	6.6	
69	3673010210	36CKT1	T ã Ng Ng c Trãn	23/05/1994				3.0	7.0		5.0	1.5	5.1	3.6	5.1	
70	3673011161	36CKT1	L ² V ã Tr ng	19/02/1992				4.0	8.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
71	3673011601	36CKT1	Th ãi Th Thanh Trú c	05/04/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	7.3	5.1	7.7	
72	3673010194	36CKT1	ñ Th ãnh V ã	29/09/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	
73	3673011168	36CKT1	Hu nh Ph ng Vi	19/06/1994				9.0	10.0		9.5	2.9	8.8	6.2	9.0	
74	3673010019	36CKT1	L ² T Th ¾ y Vy	17/07/1993				4.0	7.0		5.5	1.7	8.1	5.7	7.3	
75	3673011842	36CKT1	Nguy n Kim Xinh	01/01/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	6.7	4.7	5.7	
76	3673011508	36CKT1	H Th Xuãn	05/08/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122167311201 - K to n t@ch nh ph n 1 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3673010101	36CKT1	ấ Ng c Y n	28/12/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	

T ng s : 77 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vĩ n B M»n

Gi o V Khoa